

Bản tin Phân tích kỹ thuật

21/05/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 điều chỉnh từ vùng 2.040 điểm, đóng cửa vi phạm đường MA20 và MA50, xác nhận tín hiệu giảm với đà điều chỉnh lấn át. (M5)
- Dự báo hợp đồng sẽ kiểm định lại vùng giá thấp 1.998 điểm. Khuyến nghị mở vị thế bán quanh 2.012 điểm, mục tiêu tại 1.998 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 2.018 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 2.012 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.998 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.018 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Trung tính	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính

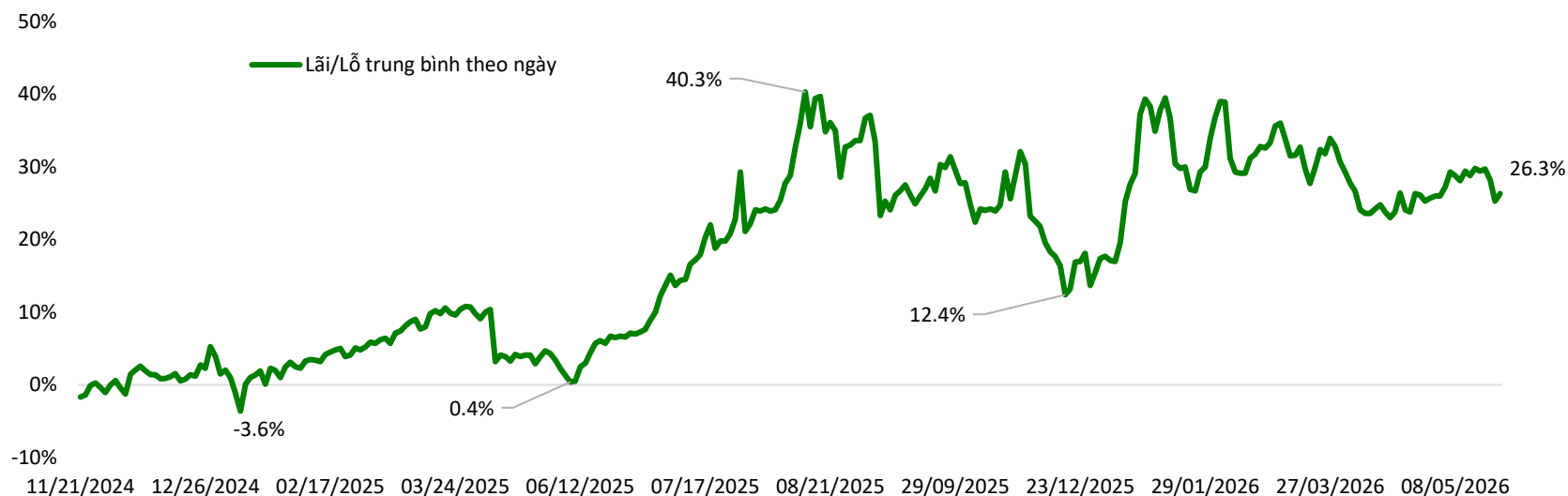


Nguồn: Vietcap

- VN-Index dao động trong biên độ hẹp với thanh khoản thấp sau phiên biến động mạnh ngày 20/05, cho thấy trạng thái do dự của cả bên mua và bên bán. Áp lực bán đã tiết chế đáng kể tại các nhóm chịu sức ép mạnh trước đó như Bất động sản, Ngân hàng, Tiêu dùng và Vật liệu. Tuy nhiên, lực cầu chưa đủ mạnh để giúp chỉ số lấy lại khu vực 1.920 điểm. Điểm sáng cục bộ nằm ở nhóm Bán lẻ, nơi lực mua tiếp tục cải thiện.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index đóng cửa dưới MA5 quanh 1.915 điểm, cho thấy quán tính giảm ngắn hạn vẫn chưa được hóa giải. Trong bối cảnh thanh khoản thấp và thiếu lực mua chủ động, chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục giằng co trong phiên 22/05, với biên độ dự kiến quanh 1.880–1.915 (+/-10) điểm.
- Xét về rủi ro, dù mức giảm điểm trong phiên 21/05 chịu tác động đáng kể từ VIC, trạng thái chung của thị trường vẫn cho thấy sự thiếu vắng lực cầu nâng đỡ. Do đó, rủi ro VN-Index vi phạm MA20 quanh 1.890 điểm đang gia tăng. Nếu mốc này bị phá vỡ kèm áp lực bán lan rộng, chỉ số có thể mở rộng nhịp điều chỉnh về vùng 1.800–1.830 điểm.
- Khuyến nghị giảm tỷ trọng các vị thế ngắn hạn nếu VN-Index vi phạm MA20 với áp lực bán gia tăng trên diện rộng.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTG	29/04/2026		Đang mở	34,950	34,750	0.6%	33,000	37,800	34,800	
SAB	29/04/2026		Đang mở	48,000	47,500	1.1%	46,000	53,600		
VPL	07/05/2026		Đang mở	93,500	88,000	6.3%	83,500	105,000	88,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	218,700	-3.53%	-4.83%	1,685,309	-13.480	1,506	11.4	145.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	87,300	-2.68%	4.43%	210,651	-1.278	4,808	3.0	18.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
GVR	36,200	-3.72%	0.00%	144,800	-1.222	1,572	2.5	23.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	30,700	-3.46%	1.49%	153,724	-1.205	2,612	2.2	11.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	79,500	2.98%	-5.58%	116,740	0.788	5,552	3.3	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	93,500	2.07%	4.12%	167,674	0.788	1,405	4.4	66.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	53,200	1.72%	2.11%	158,923	0.620	3,738	3.2	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	26,550	1.34%	-1.85%	203,784	0.617	2,749	1.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	113,500	-3.73%	-8.47%	72,697	-0.615	5,285	9.5	21.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VCB	64,900	0.46%	6.39%	542,283	0.571	4,301	2.3	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	27,000	1.12%	-4.08%	214,216	0.546	3,314	1.2	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	76,500	-1.54%	3.52%	130,318	-0.456	5,691	3.4	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	34,950	-0.71%	-2.78%	271,455	-0.437	4,906	1.5	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
VJC	173,500	1.70%	0.23%	102,645	0.395	4,290	4.0	40.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	24,800	0.81%	-4.06%	199,764	0.368	3,442	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	70,500	9.98%	52.60%	27,142	3.110	271	6.1	260.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	40,400	-1.94%	-0.25%	20,661	-0.460	3,781	1.3	10.7	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KSV	156,600	-1.20%	-4.51%	31,320	-0.431	13,090	5.2	12.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	61,200	1.83%	-1.13%	10,468	0.220	6,053	2.5	10.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NVB	10,600	-0.93%	-0.93%	20,401	-0.219	43	1.5	244.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVI	78,500	1.03%	-1.88%	18,388	0.217	5,641	2.1	13.9	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
CEO	16,400	-1.80%	-5.20%	9,306	-0.192	354	1.5	46.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDC	44,200	0.91%	0.45%	16,774	0.176	4,899	2.5	9.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	69,600	2.35%	-0.29%	6,304	0.170	457	5.8	152.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DTK	12,000	1.69%	4.35%	8,193	0.159	1,228	0.9	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	96,000	-1.94%	5.84%	291,965	-0.460	3,657	6.6	26.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSH	51,500	-12.71%	-24.15%	19,613	-0.202	-348	3.4	-150.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	62,000	-2.67%	2.65%	75,739	-0.164	1,955	5.1	32.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	44,100	-0.90%	-0.45%	157,998	-0.115	2,980	2.2	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PAP	26,500	5.16%	2.32%	9,298	0.039	-2,116	2.6	-12.3	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
VEA	34,700	-0.86%	-0.29%	46,380	-0.032	5,743	1.6	6.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AIG	49,100	4.03%	4.47%	8,434	0.028	5,878	1.3	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	39,700	0.76%	-3.87%	43,651	0.027	700	3.4	56.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PHS	10,300	14.44%	7.29%	2,060	0.024	410	1.0	25.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BRR	19,500	10.80%	5.41%	2,194	0.019	1,426	1.5	13.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

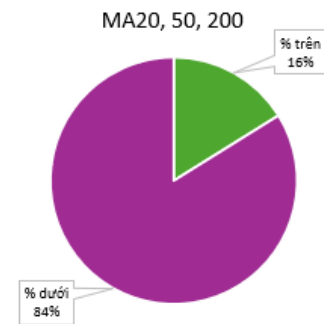
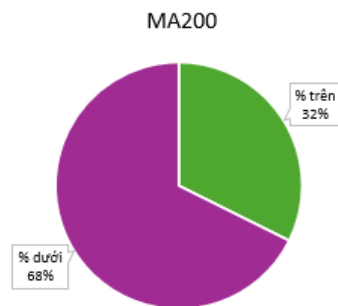
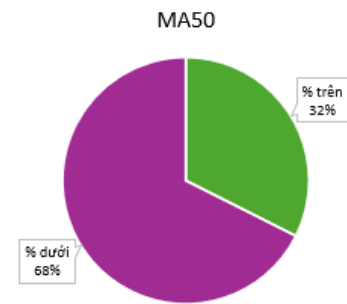
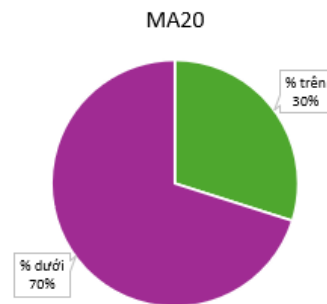
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	53,200	1.7%	160.0	77.5	29,484	52,300	3.2	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	51,800	1.4%	25.7	30.3	19,637	51,500	3.8	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DBC	21,750	-0.2%	31.1	48.7	21,800	31,262	1.0	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,000	-1.6%	11.1	17.1	25,400	38,633	1.4	19.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,350	-0.7%	5.8	10.7	5,390	10,400	0.4	26.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,060	-0.6%	9.3	33.9	5,090	8,700	0.4	34.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CRC	8,280	1.6%	19.2	22.1	8,150	12,650	0.7	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			21/05/2026	20/05/2026	19/05/2026	18/05/2026	15/05/2026	14/05/2026	13/05/2026	12/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	26%	26%	28%	29%	29%	30%	29%	30%
		Dưới	74%	74%	72%	71%	71%	70%	71%	70%
	MA50	Trên	34%	32%	38%	43%	40%	40%	39%	40%
		Dưới	66%	68%	62%	57%	60%	60%	61%	60%
	MA20	Trên	28%	27%	32%	39%	36%	36%	35%	33%
		Dưới	72%	73%	68%	61%	64%	64%	65%	67%
VN30	MA200	Trên	47%	47%	50%	50%	50%	57%	57%	53%
		Dưới	53%	53%	50%	50%	50%	43%	43%	47%
	MA50	Trên	60%	57%	57%	63%	60%	60%	60%	60%
		Dưới	40%	43%	43%	37%	40%	40%	40%	40%
	MA20	Trên	37%	43%	47%	60%	57%	60%	53%	43%
		Dưới	63%	57%	53%	40%	43%	40%	47%	57%
HNX	MA200	Trên	32%	32%	32%	33%	33%	33%	33%	33%
		Dưới	68%	68%	68%	67%	67%	67%	67%	67%
	MA50	Trên	35%	36%	37%	38%	37%	39%	37%	34%
		Dưới	65%	64%	63%	62%	63%	61%	63%	66%
	MA20	Trên	32%	32%	32%	33%	33%	33%	33%	33%
		Dưới	68%	68%	68%	67%	67%	67%	67%	67%
UPCOM	MA200	Trên	30%	29%	31%	32%	31%	30%	28%	28%
		Dưới	70%	71%	69%	68%	69%	70%	72%	72%
	MA50	Trên	31%	30%	31%	32%	33%	32%	30%	31%
		Dưới	69%	70%	69%	68%	67%	68%	70%	69%
	MA20	Trên	35%	34%	35%	35%	36%	34%	34%	36%
		Dưới	65%	66%	65%	65%	64%	66%	66%	64%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 5										Tháng 4									
		21	20	19	18	15	14	13	12	11	08	07	06	05	04	29	28	24	23	22	21
1	Dầu khí	57	56	62	62	56	57	50	41	37	40	46	50	43	27	29	33	36	36	38	38
!	2 Hàng & Dịch vụ Côn...	51	53	55	53	52	54	52	52	53	53	53	51	48	46	45	47	51	51	51	48
3	Ngân hàng	49	50	53	54	55	54	54	55	57	58	57	54	53	53	54	54	59	59	57	57
4	Hóa chất	46	47	53	53	50	51	50	49	48	52	55	52	51	44	43	42	46	46	49	47
5	Tài nguyên Cơ bản	45	47	50	50	52	57	56	56	56	62	61	55	53	54	54	56	58	58	63	62
6	Thực phẩm và đồ uố...	45	47	47	48	48	49	49	52	52	55	55	53	49	52	53	55	58	58	57	57
7	Du lịch và Giải trí	45	43	37	42	47	50	51	50	51	59	59	57	54	55	52	47	50	56	58	61
!	8 Bất động sản	43	48	53	55	55	53	54	54	56	63	65	63	63	64	62	60	64	62	64	64
!	9 Dịch vụ tài chính	39	42	47	46	44	44	43	44	44	47	52	43	38	35	38	36	42	44	47	48
10	Điện, nước & xăng d...	37	40	40	40	40	38	36	35	36	38	40	37	35	32	29	32	34	37	41	43
11	Ô tô và phụ tùng	31	33	31	31	31	31	32	33	39	45	48	45	46	39	44	49	52	51	54	55
12	Bán lẻ	30	28	27	31	37	38	37	39	43	51	46	44	42	40	47	48	55	58	64	63
13	Xây dựng và Vật liệ...	29	31	32	33	37	42	43	44	45	50	53	54	53	56	56	57	62	59	61	60
14	Công nghệ Thông tin	28	26	22	20	17	16	12	12	13	17	17	19	17	20	19	16	26	26	27	24
!	15 Bảo hiểm	27	30	35	30	25	28	27	24	22	22	20	18	19	17	20	20	25	22	25	27
16	Hàng cá nhân & Gia ...	24	24	25	25	26	28	28	29	34	40	38	33	34	36	41	41	47	50	54	52

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	64,900	0.5%	6.4%	542,283	2.3	15.1	4,301	1,314.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	93,500	2.1%	4.1%	167,674	4.4	66.6	1,405	91.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	53,200	1.7%	2.1%	158,923	3.2	14.2	3,738	160.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,450	0.3%	4.3%	45,084	1.0	7.7	1,884	217.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTR	94,900	-0.1%	10.9%	10,855	4.9	17.3	5,489	83.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
EVF	13,700	2.2%	-0.4%	10,420	1.0	11.3	1,210	28.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PHR	69,500	-0.6%	4.2%	9,417	2.2	14.2	4,885	132.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	51,800	1.4%	4.5%	3,169	3.8	17.1	3,033	25.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	20,700	1.0%	1.0%	1,577	1.8	25.2	823	26.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	14,900	0.0%	3.1%	1,290	1.3	26.3	567	24.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	17,500	2.3%	8.0%	1,081	1.5	21.2	828	11.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DL1	5,400	3.8%	-1.8%	975	0.5	28.4	190	5.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VHM	159,800	-0.1%	1.8%	656,364	2.5	10.1	15,766	716.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BSR	30,700	-3.5%	1.5%	153,724	2.2	11.8	2,612	255.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	84,000	-0.4%	-1.9%	61,899	5.3	17.5	4,791	17.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	48,000	0.6%	2.1%	61,563	2.8	12.8	3,754	32.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	35,000	-2.8%	-0.4%	45,796	2.4	30.7	1,139	339.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	28,900	-2.4%	2.3%	31,211	2.2	20.9	1,382	99.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	15,600	-0.6%	2.6%	16,048	1.5	17.4	892	55.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PET	48,750	2.2%	3.7%	5,203	2.1	17.7	2,758	126.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDH	22,350	0.0%	-5.9%	25,082	1.3	20.8	1,077	64.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	131,400	-0.5%	-3.4%	22,378	5.0	24.5	5,368	48.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,500	-0.8%	-5.1%	8,694	1.3	13.1	1,798	31.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	9,610	-1.8%	-3.8%	6,050	0.7	7.0	1,373	22.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,000	-1.6%	-4.0%	4,500	1.4	19.1	1,309	11.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	18,900	-0.5%	-3.6%	2,433	1.2	5.8	3,269	6.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,350	-0.7%	-5.5%	2,304	0.4	26.2	204	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,060	-0.6%	-4.5%	2,274	0.4	34.1	149	9.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TTA	10,350	0.0%	-3.3%	1,848	0.8	7.4	1,392	6.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	20,550	-1.2%	-4.9%	1,295	0.8	9.0	2,286	5.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,800	0.8%	-4.1%	199,764	1.4	7.2	3,442	461.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	59,000	-0.2%	-1.8%	123,307	3.8	12.0	4,914	193.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	22,800	0.7%	0.0%	117,116	1.2	7.2	3,167	305.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	13,600	0.4%	-2.9%	71,442	1.0	5.2	2,609	505.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,100	-0.6%	-3.6%	67,509	1.7	12.6	2,153	452.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HVN	21,150	-0.2%	-0.5%	65,808	6.4	7.0	3,035	8.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	15,900	1.3%	-0.9%	54,124	1.1	7.1	2,231	79.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	21,400	0.0%	-3.2%	39,862	1.5	53.3	401	121.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,600	2.1%	-3.1%	29,759	1.2	18.4	1,714	111.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCB	11,050	0.5%	-2.6%	29,427	0.8	6.9	1,604	9.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	12,900	-0.77%	-0.77%	25,500	97.7%	(143)	1.1	-90.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	22,350	0.00%	-5.89%	42,600	90.6%	1,077	1.3	20.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	48,000	-1.64%	-5.51%	91,200	90.0%	6,911	1.2	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	25,250	-1.56%	-6.31%	45,800	81.4%	1,599	1.0	15.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,000	-1.57%	-4.03%	42,400	69.6%	1,309	1.4	19.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,450	-0.34%	-0.69%	23,100	59.9%	1,676	0.7	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,500	-0.84%	-5.05%	36,200	54.0%	1,798	1.3	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	31,950	-1.69%	-2.14%	49,000	53.4%	1,971	1.6	16.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,600	-0.23%	-0.91%	66,800	53.2%	2,896	2.2	15.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
FPT	76,500	-1.54%	3.52%	116,600	52.4%	5,691	3.4	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	27,100	-0.55%	-3.56%	40,800	50.6%	2,153	1.7	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	40,400	-1.94%	-0.25%	60,000	48.5%	3,781	1.3	10.7	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
HPG	26,550	1.34%	-1.85%	38,900	46.5%	2,749	1.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,950	-0.71%	-2.78%	50,000	43.1%	4,906	1.5	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
PLC	22,500	-3.02%	2.27%	31,900	41.8%	(99)	1.5	-228.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	24,800	0.81%	-4.06%	35,000	41.1%	3,442	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,000	1.12%	-4.08%	38,000	40.7%	3,314	1.2	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACB	22,800	0.66%	0.00%	32,000	40.4%	3,167	1.2	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	41,450	-1.89%	-3.72%	57,600	39.0%	4,413	1.9	9.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MCH	131,000	0.00%	-2.24%	181,700	38.7%	5,341	9.9	24.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn